

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 05315

Trang 1/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD203

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11164008	LÂM THẢO NGUYỄN	DH11TC	1	<i>[Signature]</i>	10	20	42	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12123154	PHAN TRẦN THẢO NGUYỄN	DH12KE	1	<i>[Signature]</i>	10	20	55	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11122089	LÊ THỊ THANH NHÀN	DH11QT	1	<i>[Signature]</i>	10	19	55	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12122190	LUẬN THÀNH NHÂN	DH12QT	1	<i>[Signature]</i>	10	20	44	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12122306	NGUYỄN THỊ THÚY NHY	DH12QT	1	<i>[Signature]</i>	10	20	41	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12122201	TRƯƠNG THỊ KIỀU NI	DH12QT	1	<i>[Signature]</i>	10	20	39	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12155052	NGUYỄN THỊ NỮ	DH12KN	1	<i>[Signature]</i>	10	20	41	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12122203	HỒ NHÌN PHÓN	DH12QT	1	<i>[Signature]</i>	10	20	37	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12123165	HOÀNG THỊ BÍCH PHƯƠNG	DH12KE	1	<i>[Signature]</i>	10	20	44	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11122098	PHAN THỊ PHƯƠNG	DH11QT	1	<i>[Signature]</i>	10	20	51	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11122099	TRẦN THỊ HÀ PHƯƠNG	DH11QT	1	<i>[Signature]</i>	3	20	46	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11122111	PHẠM QUỐC THÁI	DH11QT	1	<i>[Signature]</i>	10	20	39	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11122112	TRẦN QUỐC THÁI	DH11QT	1	<i>[Signature]</i>	10	20	41	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12123046	ĐỒNG THỊ THU THẢO	DH12KE	1	<i>[Signature]</i>	10	20	39	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11122035	NGUYỄN KHÂM THIÊN	DH11QT	1	<i>[Signature]</i>	10	19	53	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11155014	HÀ NGỌC THỊNH	DH11KN	1	<i>[Signature]</i>	10	20	53	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12155098	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THOẠI	DH12KN	1	<i>[Signature]</i>	10	20	48	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11123048	LÊ THỊ THƯƠNG THƯƠNG	DH11KE	1	<i>[Signature]</i>	10	20	37	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 27; Số tờ: 27

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature] Vũ Đỗ Chí Kim Chung

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature]

Ngày tháng năm

[Signature] Vũ Thanh Liên

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 05315

Trang 2/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD203

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12122289	HUỖNH THỊ HỒNG TIẾN	DH12QT	1	<i>Jun</i>	10	20	30	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12363300	TẶNG THỊ THU	CD12CA	1	<i>Thu</i>	10	20	30	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11122117	LÊ THÙY	DH11QT	1	<i>Thuy</i>	10	20	28	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12122313	PHAN THỊ THÙY	DH12TC	1	<i>Thuy</i>	10	18	60	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11363170	NGUYỄN THỊ DIỄM	CD11CA	1	<i>Diem</i>	10	20	46	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12363203	TRẦN THỊ PHƯƠNG	CD12CA	1	<i>Phuong</i>	10	20	32	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12123195	LÊ THỊ	DH12KE	1	<i>Thi</i>	10	20	53	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12122263	NGUYỄN THỊ KIM	DH12TC	1	<i>Kim</i>	10	20	30	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11122129	NGUYỄN HÀM	DH11QT	1	<i>Ham</i>	10	20	28	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 27; Số tờ: 27

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Vũ Đỗ Chí Kim Chung

Vũ Thanh Liêm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 05415

Trang 1/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi CT201

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12122293	ĐÀO PHƯƠNG ANH	DH12QT		<i>AN</i>	10	20	35	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12123006	HÀ NGỌC ÁNH	DH12KE		<i>HA</i>	10	20	55	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12155035	CHUNG THỊ THẢO	DH12KN		<i>CH</i>	10	18	64	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12122294	ĐÀO BÍCH CHI	DH12TM		<i>BO</i>	10	20	41	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12123084	NGUYỄN THỊ KIM CÚC	DH12KE		<i>CU</i>	10	18	58	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12123107	HUỖNH NGỌC DIỄM	DH12KE		<i>HN</i>	10	20	48	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11123172	HUỖNH THỊ DIỄM	DH11KE		<i>Diem</i>	10	20	46	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12122110	LÊ HOÀNG TRIỆU	DH12TM		<i>LT</i>	10	20	41	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12155129	HỒ THỊ CẨM DUNG	DH12KN		<i>AD</i>	10	20	35	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12363260	NGUYỄN MINH DUNG	CD12CA		<i>Dung</i>	10	20	41	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12363314	TRẦN KIM DŨNG	CD12CA		<i>TR</i>	10	20	48	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12122123	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	DH12TM		<i>TP</i>	10	20	46	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12122129	TRẦN THỊ HÀ	DH12TM		<i>TH</i>	10	18	62	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10122046	BÙI THỊ MỸ HẠNH	DH10QT		<i>BH</i>	10	20	46	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12122142	HỒNG THANH HÒA	DH12TC		<i>HT</i>	10	20	30	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12122141	NGUYỄN THỊ HOÀ	DH12TM		<i>HT</i>	10	20	46	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12155086	NGUYỄN THỊ HOÀI	DH12KN		<i>HT</i>	10	20	41	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11123013	TRỊNH THỊ HỒNG	DH11KE		<i>TH</i>	10	20	39	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 1, 5; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Minh Thanh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Vũ Thanh Liên

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 05415

Trang 2/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi CT201

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12363272	TRẦN THỊ HUỆ	CD12CA			10	19	51	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12122085	NGUYỄN QUANG HUY	DH12TC			10	20	35	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10122071	NGUYỄN THỊNH HƯNG	DH10QT			7	20	41	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11123016	VŨ THỊ THU	DH11KE			10	20	44	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12122152	ĐOÀN THỊ THANH HƯỜNG	DH12TM			10	20	44	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12123223	TRẦN CHÍ KHANG	DH12KE			10	18	53	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10155054	VÕ NGUYỄN KHANG	DH10KN			3	20	32	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12122301	NGUYỄN HƯNG KHƯƠNG	DH12QT			10	20	41	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12122156	NGUYỄN THỊ THU KIỀU	DH12QT			10	20	44	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12363174	BÙI NGUYỄN THIÊN KIM	CD12CA			10	20	46	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12155076	NGUYỄN THỊ THÚY LIỄU	DH12KN			10	19	53	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12363218	THÁI THỊ THÙY LINH	CD12CA			10	20	32	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12122167	TỔNG ÁI LINH	DH12TC			10	20	44	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12122168	NGUYỄN THỊ THANH LOAN	DH12TM			10	20	28	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11123123	TRẦN THỊ MỸ LOAN	DH11KE			10	20	35	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11150049	ĐẬU HOÀNG LY	DH11TM			10	20	37	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12363236	TIÊU THỊ THANH LY	CD12CA			10	20	41	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12363015	BÙI THỊ LÝ	CD12CA			10	20	28	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 4, 5; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1, 2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Vũ Thanh Liêm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 05415

Trang 3/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi CT201

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	12122033	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG MAI	DH12QT		<i>hmac</i>	10	20	35	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12155151	NGUYỄN THỊ MỘNG	DH12KN		<i>Nguy</i>	10	20	38	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12363068	TRẦN THỊ THÚY MY	CD12CA		<i>thm</i>	10	20	28	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12122181	LÊ THỊ TUYẾT NGÂN	DH12TM		<i>Ngan</i>	10	20	37	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12122304	HỒ THỊ TUYẾT NGUYỆT	DH12TM		<i>nguy</i>	10	20	48	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12122188	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	DH12TM		<i>Nguy</i>	10	20	30	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12122308	NGUYỄN THỊ THU SƯƠNG	DH12TM		<i>su</i>	10	19	53	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12122248	NGUYỄN THÙY TRANG	DH12TM		<i>nguo</i>	10	19	53	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12122251	LÊ HUỖNH NGỌC TRÂM	DH12TM		<i>ngoc</i>	10	20	41	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 15; Số tờ:

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Minh Thành

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Vũ Thanh Liêm

Ngày tháng năm

Vũ Thanh Liêm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 05414

Trang 1/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD202 Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10164003	TRẦN THỊ VÂN ANH	DH10TC		<i>Vân</i>	60	18	62	9,10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12122105	NGUYỄN DUY BÌNH	DH12TM		<i>Duy</i>	60	20	35	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12122106	BÙI THỊ CẨM	DH12TM		<i>Cẩm</i>	60	20	39	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11122002	HUỖNH THỊ LAN CHI	DH11QT		<i>Chi</i>	60	18	60	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11122059	NGÔ THỊ CHUYÊN	DH11QT		<i>Chuyên</i>	60	20	57	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12122076	NGUYỄN THỊ HỒNG DIỆM	DH12QT		<i>Diễm</i>	60	18	62	9,10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12122008	LÊ THỊ DUNG	DH12QT		<i>Dung</i>	60	20	44	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11122060	PHAN THỊ DUNG	DH11QT		<i>Dung</i>	60	19	53	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11122061	VÕ THỊ XUÂN	DH11QT		<i>Xuân</i>	60	20	38	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11122063	LÊ HOÀNG THỤY MỸ	DH11QT		<i>Mỹ Duyên</i>	60	20	41	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11122005	LÊ VĂN ĐỨC	DH11QT		<i>Đức</i>	7	18	60	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12122126	BÙI THỊ THU HÀ	DH12TM		<i>Thu Hà</i>	60	18	60	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12363086	VÕ ĐỖ HOA	CD12CA		<i>Hoa</i>	60	20	35	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12122013	ĐINH THỊ THANH HẰNG	DH12TC		<i>Hồng</i>	60	19	57	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12123121	TRƯƠNG THỊ HẬU	DH12KE		<i>Hậu</i>	60	20	48	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12123086	CAO THỊ HIỀN	DH12KE		<i>Hiền</i>	60	19	53	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11122041	TRẦN THỊ MỸ	DH11QT		<i>Mỹ</i>	60	19	60	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12122016	TRẦN THẾ HIỀN	DH12QT		<i>Thế Hiền</i>	60	20	35	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 38; Số tờ: 38

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Nguyễn T. M. Nguyễn
Nguyễn T. B. B.

Vũ Thanh Liêm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 05414

Trang 2/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD202

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12155073	KIM QUỐC HIỂN	DH12KN		<i>Quốc</i>	10	20	32	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11122137	ĐẶNG THỊ HÒA	DH11QT		<i>Hòa</i>	2	19	60	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12363271	TRƯƠNG KIM HỒNG	CD12CA		<i>Hồng</i>	10	20	28	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12155144	ĐẶNG THỊ THU HƯƠNG	DH12KN		<i>Hương</i>	10	20	46	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12123072	NEÁNG CUNG BÔ LY	DH12KE		<i>Cung</i>	10	18	58	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11122021	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	DH11QT		<i>Mỹ</i>	10	18	64	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11122081	PHẠM HÀ KIM LINH	DH11QT		<i>Hà</i>	10	19	51	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11150048	BÙI TUẤN LỘC	DH11TM		<i>Tuấn</i>	0	20	51	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11123124	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	DH11KE		<i>Lương</i>	10	20	28	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12123140	TRẦN THỊ LY	DH12KE		<i>Ly</i>	10	20	28	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12122034	HUỖNH THANH NAM	DH12TM		<i>Nam</i>	10	20	41	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10123112	VÕ THỊ THANH NGÀ	DH10KE		<i>Ngà</i>	10	20	44	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11363155	VÕ THỊ THÙY NGÂN	CD11CA		<i>Thùy</i>	10	20	30	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12155083	NGUYỄN THỊ KIM NGỌC	DH12KN		<i>Kim</i>	10	20	28	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11122028	THÁI NHƯ NGỌC	DH11QT		<i>Như</i>	10	20	28	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12122183	HOÀNG KIM NGỌC	DH12TM		<i>Hoàng</i>	10	20	28	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12122225	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	DH12TM		<i>Phương</i>	10	20	35	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12122311	ĐỖ THỊ CẨM THƠ	DH12TM		<i>Thơ</i>	10	18	58	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 38; Số tờ: 38

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Nguyễn Văn Thanh
Nguyễn Thị Bình

Vũ Thanh Liêm

Môn Học : Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 16/01/14 **Giờ thi:** 12g15 - phút **Phòng thi** HD202

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

[illegible]

Số bài: 38; Số tờ: 48

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

**Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số**

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Vũ Thanh Liêm



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 05317

Trang 1/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi CT202

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12122182	NGUYỄN VĂN NGHĨA	DH12QT			10	20	35	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12363319	ĐÀM THỊ ÁNH	CD12CA			10	20	32	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12122189	MAI THỊ KIM	DH12QT			10	20	30	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12123155	TRẦN THANH	DH12KE			10	20	35	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12122192	VÕ CÔNG	DH12QT			10	20	44	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12123158	HỒ THANH	DH12KE			10	20	39	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11123176	LƯƠNG THỊ Ý	DH11KE			10	20	38	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12122193	NGUYỄN THỊ MAI	DH12QT			10	20	39	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12363070	NGUYỄN THỊ	CD12CA			10	20	28	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12122039	LÊ THỊ ÁI	DH12TC			10	20	28	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12122200	VÕ THỊ NGỌC	DH12QT			10	20	58	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12363241	TRỊNH THỊ THÚY	CD12CA			10	20	46	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12122040	NGUYỄN TẤN	DH12QT			10	20	46	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12122205	ĐẶNG HOÀNG	DH12QT			10	20	39	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11150063	BÙI LÊ BÍCH	DH11TM			10	19	51	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12155072	NGUYỄN THỊ	PHUONG			10	20	46	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12122307	NGUYỄN NHƯ	QUYNH			10	20	38	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11164029	TRẦN HOÀNG	THANH			7	20	48	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 35.....; Số tờ: 35.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và
đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Vũ Thanh Liêm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 05317

Trang 2/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nghiệp vụ ngoại thương (208456) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi CT202

Nhóm Thi : Nhóm 04 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12122222	HỒ THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH12QT		6	20	32	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12123241	HUỖNH THỊ BÍCH	THI	DH12KE		6	19	51	8,70	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11123149	NGUYỄN THỊ	THIỆU	DH11KE		6	20	46	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12122058	BÙI THỊ TRIỀU	TIÊN	DH12TC		6	20	35	6,15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12122240	TRẦN PHẠM THỦY	TIÊN	DH12TC		6	20	41	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12122246	LÊ NGỌC PHƯƠNG	TRANG	DH12QT		6	20	38	6,18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11123163	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	DH11KE		6	20	32	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11164044	NGÔ THỊ HUYỀN	TRÂM	DH11TC		6	20	44	7,14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12122253	TRẦN THỊ BÍCH	TRÂM	DH12TC		6	20	38	6,18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11123051	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂN	DH11KE		6	20	51	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12122291	TRẦN BẢO	TRÂN	DH12TC		7	18	62	8,18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12123245	NGUYỄN THỊ	TRINH	DH12KE		6	19	58	8,18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11150078	NGUYỄN BẢO	TRUNG	DH11TM		6	20	28	5,18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12122068	NGUYỄN MINH	TUẤN	DH12QT		6	20	44	7,14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11164038	NGUYỄN THỊ HỒNG	TUYẾT	DH11TC		6	19	51	8,10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11123167	NGUYỄN THỊ BÍCH	VÂN	DH11KE		6	20	30	6,10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12122277	PHẠM VĂN	YÊN	DH12QT		6	20	28	5,18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 35; Số tờ: 35

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Hoàng Anh Dung
Lê Thị Thanh Dịu

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Vũ Thanh Piêm